TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/DS-ST.
Ngày: 06/5/2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp vốn trong doanh nghiệp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân;
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2023/TLST-DS về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn trong doanh nghiệp" ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Phan Quốc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 63, khu phố 2, thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn:

Công ty C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung Dũng – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số 207D, đường Nguyễn Đình Chiểu, ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên toà, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2023; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/11/2023, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Quốc T trình bày:

Ngày 10/4/2023, do được bạn bè giới thiệu, ông T và Công ty C do ông Trần Trung Dũng làm Đại diện theo pháp luật có tiến hành ký kết hợp đồng góp vốn để kinh doanh xi măng. Nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

"Điều 1: Tài sản góp vốn

Tài sản cho góp vốn thuộc quyền sở hữu của bên A: 500.000.000đồng.

Điều 2: Giá trị góp vấn

Giá trị tài sản góp vốn được các bên thống nhất là: 500.000.000đồng.

Điều 3: Thời hạn góp vốn và kết thúc hợp đồng góp vốn

Thời hạn cho góp vốn bằng tài sản nêu tại Điều 1 là 500.000.000đồng kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2023 đến ngày 10 tháng 7 năm 2023.

- Sau khi kết thúc hợp đồng Bên B có trách nhiệm chi trá cho bên A cả gốc và lãi.

Điều 4: Mục đích góp vốn (kinh doanh xi măng)

- Mục đích cho góp vốn bằng tài sản nêu tại Điều 1 là: Góp vốn kinh doanh xi măng.

Điều 5: Phương thức trả lãi:

Trả lãi: bên B sẽ chi trá 3% trên tháng.

Hình thức thanh toán: Chỉ trả theo từng tháng theo chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Hình thức trả lãi và gốc không phụ thuộc vào tình hỉnh kinh doanh của công ty.

Điều 6: Điều kiện rút vốn:

- Bên A cồ thể rút vỏn sau 3 tháng kế từ ngày ký hợp đồng góp vốn.

Điều 7: Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu pháp sinh tranh chắp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa Án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật... "

Thực hiện hợp đồng, ông T đã góp đủ vốn vào Công ty C. Công ty chỉ thanh toán được cho ông T 01 tháng tiền lãi vào ngày 10/5/2023 với số tiền 15.000.000đồng.

Từ khi hết thời hạn góp vốn theo hợp đồng cho đến thời điểm hiện tại. Ông T đã nhiều lần yêu cầu Công ty C phải hoàn cả vốn và lãi cho ông nhưng Công ty không dồng ý.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét thanh lý hợp đồng góp vốn ngày 10/4/2023 giữa ông T với Công ty C.

Ông T yêu cầu Công ty C phải có trách nhiện trả lại cho ông T phần vốn góp 500.000.000đồng vả lãi suất của số tiền trên kể từ ngày Công ty C vi phạm việc thanh toán lãi theo Hợp đồng (ngày 11/5/2023) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 20%/năm.

Tam tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày 18/11/2023 là 51.944.0000đồng.

Tổng số tiền ông T yêu cầu Công ty C phải trả là: 551.944.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt theo đúng quy định pháp luật Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Toà án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các Giấy triệu tập tham gia phiên họp và phiên toà; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Công ty TNHH một thành viên thương mại xi măng BMC. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH một thành viên thương mại xi măng BMC vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Quốc T khởi kiện yêu cầu thanh lý hợp đồng góp vốn ký ngày 10/4/2023 giữa ông và Công ty C và buộc công ty có nghĩa vụ trả số tiền gốc 500.000.000đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 11/5/2023 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T là thành viên của C. Trước đây quá trình Toà án thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi tài sản là phần vốn góp trong doanh nghiệp". Tuy nhiên, quá trình xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đối tượng tranh chấp giữa các bên đương sự là hợp đồng góp vốn ngày 10/4/2023 và các quyền, nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng nên đây là quan hệ "Tranh chấp về hợp đồng góp vốn" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng của ông Phan Quốc T, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn là phần vốn góp trong doanh nghiệp. Căn cứ theo hợp đồng thì ngày 10/4/2023 là ngày ký hợp đồng. Ngày 10/7/2023 là ngày mà bên nhận vốn góp có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên góp vốn. Đến ngày 29/6/2023 thì ông Phan Quốc T nộp đơn khởi kiện tại Toà án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc khởi kiện của ông T còn trong thời hạn luật định.

Căn cứ Công văn số 11/ĐKKD ngày 09/01/2024 về việc "Phúc đáp công văn số 551/CVTA-TDS ngày 27/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre" của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre và

quá trình tống đạt văn bản tố tụng có cơ sở xác định Công ty C có địa chỉ trụ sở tại số 207D, đường Nguyễn Đình Chiểu, ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với sự có mặt, vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty C đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do. Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 23/01/2024 cho Công ty C là đảm bảo quyền được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của bị đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị đơn vẫn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã công khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về phạm vi giải quyết vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hồ sơ vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các nội dung có liên quan đến đơn khởi kiện ngày 29/6/2023; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/11/2023 của ông Phan Quốc T.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khởi kiện của ông Phan Quốc T là hợp đồng góp vốn ký ngày 10/4/2023 có chữ ký, chữ viết và đóng dấu của ông T và người đại diện theo pháp luật của Công ty C.

Xét hình thức của hợp đồng góp vốn ngày 10/4/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ theo các quy định của pháp luật thì hợp đồng góp vốn không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Hợp đồng góp vốn ngày 10/4/2023 đã thể hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên đương sự không tranh chấp về tính có hiệu lực của hợp đồng này nên căn cứ theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng này phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết hợp đồng.

Xét nội dung và qúa trình thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T cung cấp cho Toà án bản ảnh giao dịch chuyển tiền với nội dung góp vốn với số tiền 500.000.000đồng cho Công ty C. Nội dung chuyển tiền này phù hợp với thông tin chuyển khoản mà Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bến Tre cung cấp

cho Toà án tại công văn số 07/2024/CV-CNBT ngày 03/01/2024 về việc "Cung cấp thông tin" của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Bến Tre. Từ đó, có cơ sở xác định ông T đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình trong hợp đồng.

Tại Điều 6 của hợp đồng có nội dung "Bên A có thể rút vốn sau 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng góp vốn". Toà án đã thông báo cho Công ty C về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho ông T số tiền góp vốn 500.000.000đồng nhưng công ty không cung cấp tài liệu, chứng cứ này cho Toà án. Việc Công ty C không chứng minh được đã thanh toán số tiền góp vốn 500.000.000đồng cho ông T là vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của đồng về nghĩa vụ thanh toán của công ty. Từ đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quốc T buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền góp vốn là 500.000.000đồng.

Đối với yêu cầu thanh lý hợp đồng góp vốn ngày 10/4/2023 của ông Phan Quốc T, Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 3 của hợp đồng thể hiện các bên thoả thuận thời hạn của hợp đồng này là từ ngày 10/4/2023 cho đến ngày 10/7/2023. Do đó, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm hợp đồng này đã hết hiệu lực ràng buộc các bên tham gia ký kết và quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện các bên muốn tiếp tục duy trì hiệu lực của hợp đồng này nên cần tuyên bố chấm dứt hiệu lực của hợp đồng góp vốn ký ngày 10/4/2023 giữa ông Phan Quốc T và Công ty C như ông T yêu cầu là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Phan Quốc T, Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng góp vốn ngày 10/3/2023 giữa các bên có thoả thuận về lãi suất nhưng lãi suất thoả thuận giữa các bên là trái quy định pháp luật. Tuy Công ty C có tiến hành chuyển khoản cho ông T số tiền 8.000.000đồng và ông T cho rằng có nhận trực tiếp từ ông Trần Trung Dũng số tiền 7.000.000đồng nhưng đây không phải là căn cứ xác định mức lãi suất 20%/năm mà ông T yêu cầu. Do các bên có thoả thuận về lãi suất nhưng mức lãi suất trái quy định pháp luật và tại phiên toà hôm nay ông T không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh giữa các bên có thoả thuận mức lãi suất 20%/năm nên cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính lãi suất cho khoản tiền góp vốn của ông T.

Đối với thời gian tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty C không chứng minh được đã thanh toán lãi cho ông T các tháng 05, 06 năm 2023 nên phát sinh nghĩa vụ chịu lãi theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 11/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ đó, tiền lãi mà Công ty C có nghĩa vụ trả cho ông T được tính cụ thể như sau:

500.000.000đồng x 10%/năm x 10 tháng 26 ngày = 45.096.666đồng.

Do đó có căn cứ để buộc Công ty C trả cho ông T tiền lãi từ ngày 11/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 45.096.666đồng. Không chấp nhận số tiền lãi mà ông T yêu cầu là 51.944.000đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quốc T về việc tranh chấp hợp góp vốn với Công ty C. Buộc Công ty C tổng số tiền 545.096.666đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận một phần nên ông T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Cụ thể:

(51.944.000đồng – 45.096.666đồng) x 5% = 342.366đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Công ty C phải nộp số tiền 20.000.000đồng + [4% x (545.096.666đồng – 400.000.000đồng)] = 25.803.866đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 280, 357 398, 426, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quốc T.

2. Tuyên bố chấm dứt hiệu lực của hợp đồng góp vốn ký ngày 10/4/2023 giữa ông Phan Quốc T và Công ty C kể từ ngày 06/5/2024.

3. Buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho ông Phan Quốc T số tiền số tiền vốn góp là 545.096.666 (Năm trăm bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng trong đó tiền gốc là 500.000.000đồng và tiền lãi là 45.096.666đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Phan Quốc T từ ngày 11/5/2023 đến ngày 18/11/2023 với số tiền là 6.847.334 (Sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn)đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Công ty C phải nộp số tiền 25.803.866(Hai mươi lăm triệu tám trăm lẻ ba nghìn tám trăm sáu mươi sáu)đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Phan Quốc T phải nộp số tiền 342.366 (Ba trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng nhưng được trừ

vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000815 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Phan Quốc T số tiền 12.696.634 (Mười hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bốn)đồng.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Kim Lan Nguyễn Thị Bé Em **Trần Thành Ngọc**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi